

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỒ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Thang

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	572	LUC	m ²	559.2	1.000	55,920,000	55,920,000	
II	HỒ TRỢ									
1	Hồ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	572	LUC	m ²	559.2	5.000	312,441,000	312,441,000	
2	Hồ trợ ổn định sản xuất	10	572	LUC	m ²	559.2	0.300	279,600,000		
3	Hồ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 16,64% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 14 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	572	LUC	kg	1,260.0	1.000	16,065,000		
I	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)									
1	Cây Ôi đường kính thân 10cm	10	572	LUC	Cây	5.000	0.300	782,000	782,000	
2	Cây Chuối chưa ra quả, cao H>120cm	10	572	LUC	Cây	15.000	0.300	466,500		
TỔNG CỘNG								315,000		
									369,143,000	

Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Văn Bốn

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							50,400,000	50,400,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	588	LUC	m ²	504.0	1.000	50,400,000		
II	HỖ TRỢ							274,005,000	274,005,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	588	LUC	m ²	504.0	5.000	252,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	588	LUC	m ²	504.0	0.300	15,120,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 46,67% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 3 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	588	LUC	kg	540.0	1.000	6,885,000		
TỔNG CỘNG									324,405,000	

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Phạm Văn Tòng
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	589	LUC	m ²	1,128.0	1.000	112,800,000	112,800,000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	589	LUC	m ²	1,128.0	5.000	648,330,000	648,330,000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	589	LUC	m ²	1,128.0	0.300	33,840,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 11 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	589	LUC	kg	3,960.0	1.000	50,490,000		
TỔNG CỘNG									761,130,000	

Bảng chữ: Bảy trăm sáu mươi một triệu, một trăm ba mươi ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỒ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đoàn Thị An
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							50,400,000	50,400,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	590	LUC	m ²	504.0	1.000	50,400,000		
II	HỖ TRỢ							276,300,000	276,300,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	590	LUC	m ²	504.0	5.000	252,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	590	LUC	m ²	504.0	0.300	15,120,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 41,18% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	590	LUC	kg	720.0	1.000	9,180,000		
TỔNG CỘNG									326,700,000	

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Mai Quang Bảo

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								24,000,000	24,000,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	593	LUC	m ²	240.0		1.000	24,000,000		
II	HỖ TRỢ								130,642,500	130,642,500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	593	LUC	m ²	240.0		5.000	120,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	593	LUC	m ²	240.0		0.300	7,200,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 25,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 3 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	593	LUC	kg	270.0		1.000	3,442,500		
TỔNG CỘNG										154,642,500	

Bảng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Mai Quang Đỉnh

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								72,000,000	72,000,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	594	LUC	m ²	720.0		1.000	72,000,000		
II	HỖ TRỢ								402,255,000	402,255,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	594	LUC	m ²	720.0		5.000	360,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	594	LUC	m ²	720.0		0.300	21,600,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 41,10% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 9 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	594	LUC	kg	1,620.0		1.000	20,655,000		
TỔNG CỘNG										474,255,000	

Bảng chữ: Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Mai Quang May
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								96,000,000	96,000,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	596	LUC	m ²	960.0		1.000	96,000,000		
II	HỖ TRỢ								529,455,000	529,455,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	596	LUC	m ²	960.0		5.000	480,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	596	LUC	m ²	960.0		0.300	28,800,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 61,54% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 9 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	596	LUC	kg	1,620.0		1.000	20,655,000		
TỔNG CỘNG										625,455,000	

Bảng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Phạm Văn Tuyền

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								93,600,000	93,600,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	597	LUC	m ²	936.0	100,000	1.000	93,600,000		
II	HỖ TRỢ								514,440,000	514,440,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	597	LUC	m ²	936.0	100,000	5.000	468,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	597	LUC	m ²	936.0	100,000	0.300	28,080,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	597	LUC	kg	1,440.0	12,750	1.000	18,360,000		
TỔNG CỘNG										608,040,000	

Bảng chữ: Sáu trăm lẻ tám triệu, không trăm bốn mươi ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Đình Biên

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								146,400,000	146,400,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	602	LUC	m ²	1,464.0	100,000	1.000	146,400,000		
II	HỖ TRỢ								821,820,000	821,820,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	602	LUC	m ²	1,464.0	100,000	5.000	732,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	602	LUC	m ²	1,464.0	100,000	0.300	43,920,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 86,52% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 10 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	602	LUC	kg	3,600.0	12,750	1.000	45,900,000		
I	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)								4,701,000	4,701,000	
1	Cây Ôi đường kính thân 7cm	10	602	LUC	Cây	50.000	311,000	0.300	4,665,000		
2	Cây Cau bụng đường kính thân 5cm	10	602	LUC	Cây	4.000	30,000	0.300	36,000		
TỔNG CỘNG										972,921,000	

Bảng chữ: Chín trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm hai mươi một ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Thảo
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							177,600,000	177,600,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	608; 659	LUC	m ²	1,776.0	1.000	177,600,000		
II	HỖ TRỢ							964,230,000	964,230,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	608; 659	LUC	m ²	1,776.0	5.000	888,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	608; 659	LUC	m ²	1,776.0	0.300	53,280,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 72,55% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khâu/tháng* 12 tháng* 5 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	608; 659	LUC	kg	1,800.0	1.000	22,950,000		
I	CÂY TRỒNG (nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 50%)							15,515,000	15,515,000	
1	Cây Vải đường kính thân 10cm	10	659	LUC	Cây	30.000	0.500	3,735,000		
2	Cây Ổi đường kính thân 7cm	10	659	LUC	Cây	70.000	0.500	10,885,000		
3	Cây Chuối chưa có quả H>120cm	10	659	LUC	Cây	17.000	0.500	595,000		
4	Cây Chuối có quả	10	659	LUC	Cây	3.000	0.500	300,000		
TỔNG CỘNG									1,157,345,000	

Bảng chữ: Một tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Thành Mỹ
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	609	LUC	m ²	840.0	1.000	84,000,000	84,000,000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	609	LUC	m ²	840.0	5.000	420,000,000	470,445,000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	609	LUC	m ²	840.0	0.300	25,200,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 42,68% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 11 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	609	LUC	kg	1,980.0	1.000	25,245,000		
TỔNG CỘNG									554,445,000	

Bằng chữ: Năm trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Mai Quang Thủy

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							75,600,000	75,600,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	610	LUC	m ²	756.0	1.000	75,600,000		
II	HỖ TRỢ							423,630,000	423,630,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	610	LUC	m ²	756.0	5.000	378,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	610	LUC	m ²	756.0	0.300	22,680,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 46,67% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 10 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	610	LUC	kg	1,800.0	1.000	22,950,000		
TỔNG CỘNG									499,230,000	

Bảng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, hai trăm ba mươi ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Xuân Ty

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	611	LUC	m ²	924.0	1.000	92,400,000	92,400,000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	611	LUC	m ²	924.0	5.000	462,000,000	540,210,000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	611	LUC	m ²	924.0	0.300	27,720,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 96,25% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 11 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	611	LUC	kg	3,960.0	1.000	50,490,000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)									
1	Cây Chuối chưa ra quả H>120cm	10	611	LUC	Cây	41.000	0.300	861,000	861,000	
TỔNG CỘNG									633,471,000	

Bảng chữ: Sáu trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Văn Tùng
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								64,800,000	64,800,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	614	LUC	m ²	648.0	100,000	1.000	64,800,000		
II	HỖ TRỢ								361,800,000	361,800,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	614	LUC	m ²	648.0	100,000	5.000	324,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	614	LUC	m ²	648.0	100,000	0.300	19,440,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	614	LUC	kg	1,440.0	12,750	1.000	18,360,000		
TỔNG CỘNG										426,600,000	

Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Nguyễn Văn Toàn
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								87,200,000	87,200,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	616	LUC	m ²	872.0	100,000	1.000	87,200,000		
II	HỖ TRỢ								485,110,000	485,110,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	616	LUC	m ²	872.0	100,000	5.000	436,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	616	LUC	m ²	872.0	100,000	0.300	26,160,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 43,6% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 10 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	616	LUC	kg	1,800.0	12,750	1.000	22,950,000		
TỔNG CỘNG										572,310,000	

Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm mười ngàn

HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Mai Quang Lưu

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU										
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	626; 655	LUC	m ²	1,800.0	100,000	1.000	180,000,000	180,000,000	
II	HỖ TRỢ										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	626; 655	LUC	m ²	1,800.0	100,000	5.000	900,000,000	995,310,000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	626; 655	LUC	m ²	1,800.0	100,000	0.300	54,000,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 75,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 9 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	626; 655	LUC	kg	3,240.0	12,750	1.000	41,310,000		
III	CÂY TRỒNG (Năm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 50%)									18,039,000	
1	Cây Vải đường kính thân 15cm	10	626; 655	LUC	Cây	3.000	336,000	0.500	504,000		
1	Cây Chè đường kính tán 2m	10	626; 655	LUC	Cây	4.000	373,000	0.500	746,000		
1	Cây Mít đường kính thân 15cm	10	626; 655	LUC	Cây	9.000	1,493,000	0.500	6,718,500		

1	Cây Chuối chưa có quả, cao H>120cm	10	626; 655	LUC	Cây	262.000	70,000	0.500	9,170,000		
1	Cây Chuối đã có quả	10	626; 655	LUC	Cây	9.000	200,000	0.500	900,000		
TỔNG CỘNG									1,193,349,000		

Bảng chữ: *Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn*

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Nguyễn Thị Quây
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU										
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	641	LUC	m ²	1,128.0	100,000	1.000	112,800,000	112,800,000	
II	HỖ TRỢ										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	641	LUC	m ²	1,128.0	100,000	5.000	618,495,000	618,495,000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	641	LUC	m ²	1,128.0	100,000	0.300	33,840,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 47,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khâu/tháng* 6 tháng* 9 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	641	LUC	kg	1,620.0	12,750	1.000	20,655,000		
TỔNG CỘNG										731,295,000	

Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi một triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Văn Dương
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								81,600,000	81,600,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	645	LUC	m ²	816.0	100,000	1.000	81,600,000		
II	HỖ TRỢ								455,430,000	455,430,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	645	LUC	m ²	816.0	100,000	5.000	408,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	645	LUC	m ²	816.0	100,000	0.300	24,480,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 86,08% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 5 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	645	LUC	kg	1,800.0	12,750	1.000	22,950,000		
I	CÂY TRỒNG (năm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 50%)								3,195,000	3,195,000	
1	Cây Chuối chưa có quả H>120cm	10	645	LUC	Cây	70.000	70,000	0.500	2,450,000		
2	Cây Ôi đường kính thân 5cm	10	645	LUC	Cây	10.000	149,000	0.500	745,000		
TỔNG CỘNG										540,225,000	

Bảng chữ: Năm trăm bốn mươi triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Nguyễn Thị Nhận
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							79,200,000	79,200,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	656	LUC	m ²	792.0	1.000	79,200,000		
II	HỖ TRỢ							436,972,500	436,972,500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	656	LUC	m ²	792.0	5.000	396,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	656	LUC	m ²	792.0	0.300	23,760,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 26,61% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 15 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	656	LUC	kg	1,350.0	1.000	17,212,500		
TỔNG CỘNG									516,172,500	

Bằng chữ: Năm trăm mười sáu triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Hoàng Thị Lan Anh
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU										
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	657	LUC	m ²	480.0	100,000	1.000	48,000,000	48,000,000	
II	HỖ TRỢ										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	657	LUC	m ²	480.0	100,000	5.000	240,000,000	272,760,000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	657	LUC	m ²	480.0	100,000	0.300	14,400,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	657	LUC	kg	1,440.0	12,750	1.000	18,360,000		
TỔNG CỘNG										320,760,000	

Bảng chữ: Ba trăm hai mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Hòe
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							88,800,000	88,800,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	672	LUC	m ²	888.0	1.000	88,800,000		
II	HỖ TRỢ							498,180,000	498,180,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	672	LUC	m ²	888.0	5.000	444,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	672	LUC	m ²	888.0	0.300	26,640,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 71,15% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 6 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	672	LUC	kg	2,160.0	1.000	27,540,000		
TỔNG CỘNG									586,980,000	

Bằng chữ: Năm trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ngàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Phạm Thị Toan
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								147,360,000	147,360,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10; 157	676; 667	LUC	m ²	1,473.6	100,000	1.000	147,360,000		
II	HỖ TRỢ								849,858,000	849,858,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10; 157	676; 667	LUC	m ²	1,473.6	100,000	5.000	736,800,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10; 157	676; 667	LUC	m ²	1,473.6	100,000	0.300	44,208,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 15 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10; 157	676; 667	LUC	kg	5,400.0	12,750	1.000	68,850,000		
I	CÂY TRỒNG (Không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)								933,000	933,000	
1	Cây Ổi đường kính thân 10cm	10	676	LUC	Cây	10.000	311,000	0.300	933,000		
TỔNG CỘNG										998,151,000	

Bảng chữ: Chín trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi một ngàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỒ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): **Trịnh Thị Na**
Nơi ở hiện nay: **xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng**
Địa chỉ thường trú: **xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng**
Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							52,800,000	52,800,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	649	LUC	m ²	528.0	1.000	52,800,000		
II	HỒ TRỢ							290,167,500	290,167,500	
1	Hồ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	649	LUC	m ²	528.0	5.000	264,000,000		
2	Hồ trợ ổn định sản xuất	157	649	LUC	m ²	528.0	0.300	15,840,000		
3	Hồ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 22,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hồ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 9 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	649	LUC	kg	810.0	1.000	10,327,500		
TỔNG CỘNG									342,967,500	

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Thắng

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								88,800,000	88,800,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	666	LUC	m ²	888.0	100,000	1.000	88,800,000		
II	HỖ TRỢ								482,115,000	482,115,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	666	LUC	m ²	888.0	100,000	5.000	444,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	666	LUC	m ²	888.0	100,000	0.300	26,640,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 55,98% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 5 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	666	LUC	kg	900.0	12,750	1.000	11,475,000		
TỔNG CỘNG										570,915,000	

Bảng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu, chín trăm mười lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÀI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Tranh

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng			Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng			
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU						144,000,000	144,000,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	674; 679	LUC	m ²	1,440.0	144,000,000		
II	HỖ TRỢ						781,560,000	781,560,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	674; 679	LUC	m ²	1,440.0	720,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	674; 679	LUC	m ²	1,440.0	43,200,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	674; 679	LUC	kg	1,440.0	18,360,000		
TỔNG CỘNG								925,560,000	

Bảng chữ: Chín trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Lương Mừng
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							108,000,000	108,000,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	591	LUC	m ²	1,080.0	1.000	108,000,000		
II	HỖ TRỢ							587,317,500	587,317,500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	591	LUC	m ²	1,080.0	5.000	540,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	591	LUC	m ²	1,080.0	0.300	32,400,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 24,66% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 13 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	591	LUC	kg	1,170.0	1.000	14,917,500		
TỔNG CỘNG									695,317,500	

Bảng chữ: Sáu trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Thị Lờ

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							86,400,000	86,400,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	587	LUC	m ²	864.0	1.000	86,400,000		
II	HỖ TRỢ							487,755,000	487,755,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	587	LUC	m ²	864.0	5.000	432,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	587	LUC	m ²	864.0	0.300	25,920,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 55,81% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 13 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	587	LUC	kg	2,340.0	1.000	29,835,000		
TỔNG CỘNG									574,155,000	

Bảng chữ: Năm trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm năm mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Nguyễn Hữu Kim
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								84,000,000	84,000,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	601	LUC	m ²	840.0		1.000	84,000,000		
II	HỖ TRỢ								461,265,000	461,265,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	601	LUC	m ²	840.0		5.000	420,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	601	LUC	m ²	840.0		0.300	25,200,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 42,42% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 7 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	601	LUC	kg	1,260.0		1.000	16,065,000		
TỔNG CỘNG										545,265,000	

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Thế Mạnh; Đào Đình Đường

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								108,000,000	108,000,000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	654	LUC	m ²	1,080.0		1.000	108,000,000		
II	HỖ TRỢ								609,120,000	609,120,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	654	LUC	m ²	1,080.0		5.000	540,000,000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	654	LUC	m ²	1,080.0		0.300	32,400,000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 91,84% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 8 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	654	LUC	kg	2,880.0		1.000	36,720,000		
I	CÂY TRỒNG (Nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 50%)								5,135,000	5,135,000	
1	Cây Ổi đường kính thân 10cm	10	654	LUC	Cây	25.000		0.500	3,887,500		
2	Cây Vải đường kính thân 15cm	10	654	LUC	Cây	7.000		0.500	1,176,000		
3	Cây Khoai nước (bồng)	10	654	LUC	m ²	10.000		0.500	71,000		
TỔNG CỘNG										722,255,000	

Bảng chữ: Bấy trăm hai mươi hai triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Quảng

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							45.600.000	45.600.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	571	LUC	m ²	456,0	1,000	45.600.000		
II	HỖ TRỢ							249.712.500	249.712.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	571	LUC	m ²	456,0	5,000	228.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	571	LUC	m ²	456,0	0,300	13.680.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 27,54% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 7 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	571	LUC	kg	630,0	1,000	8.032.500		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)							19.350.000	19.350.000	
1	Cây Vải đường kính thân 20cm	10	571	LUC	Cây	9	0,300	1.579.500		
2	Cây Ổi đường kính thân 15cm	10	571	LUC	Cây	20	0,300	2.838.000		
3	Cây Mít đường kính thân 20cm	10	571	LUC	Cây	16	0,300	14.932.800		
TỔNG CỘNG									314.662.500	

Bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đoàn Thị Chè
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							48.000.000	48.000.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	574; 663	LUC	m ²	480,0	1,000	48.000.000		
II	HỖ TRỢ							256.695.000	256.695.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	574; 663	LUC	m ²	480,0	5,000	240.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	574; 663	LUC	PH	480,0	0,300	14.400.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 51,25% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 1 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	574; 663	LUC	kg	180,0	1,000	2.295.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)							2.023.000	2.023.000	
1	Cây Dừa đường kính thân 10cm	10	574; 663	LUC	Cây	4,000	0,300	178.800		
2	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	10	574; 663	LUC	Cây	52,000	0,300	1.092.000		
3	Cây Cau (bụng) đường kính thân 10cm	10	574; 663	LUC	Cây	2,000	0,300	31.200		

4	Cây Mít đường kính thân 5cm	10	574; 663	LUC	Cây	4,000	149.000	0,300	178.800		
5	Cây Xoài đường kính thân 10cm	10	574; 663	LUC	Cây	1,000	274.000	0,300	82.200		
6	Cây Xoan đường kính thân 5cm	10	574; 663	LUC	Cây	2,000	60.000	0,300	36.000		
7	Cây Ổi đường kính thân 5cm	10	574; 663	LUC	Cây	6,000	149.000	0,300	268.200		
8	Rau muống	10	574; 663	LUC	m ²	40,000	13.000	0,300	156.000		
TỔNG CỘNG										306.718.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đoàn Văn Trụ

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							40.800.000	40.800.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	576; 633	LUC	m ²	408,0	1,000	40.800.000		
II	HỖ TRỢ							225.420.000	225.420.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	576; 633	LUC	m ²	408,0	5,000	204.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	576; 633	LUC	m ²	408,0	0,300	12.240.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 38,49% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	576; 633	LUC	kg	720,0	1,000	9.180.000		
III	CÂY TRỒNG							13.802.000	13.802.000	
3.1	Cây trồng không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%							268.200		
1	Cây Ổi đường kính thân 5cm	10	576	LUC	Cây	6,000	0,300	268.200		
3.2	Cây trồng nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 50%							13.534.000		
1	Cây Dừa đường kính thân 50cm	10	633	LUC	Cây	1,000	0,500	933.000		

2	Cây Dừa đường kính thân 25cm	10	633	LUC	Cây	3,000	398.000	0,500	597.000	
3	Cây Dừa đường kính thân <3cm	10	633	LUC	Cây	2,000	35.000	0,500	35.000	
4	Cây Vải đường kính thân 25cm	10	633	LUC	Cây	5,000	933.000	0,500	2.332.500	
5	Cây Xoan đường kính thân 10cm	10	633	LUC	Cây	1,000	150.000	0,500	75.000	
6	Cây Ôi đường kính thân 7cm	10	633	LUC	Cây	7,000	311.000	0,500	1.088.500	
7	Cây Chuối có quả	10	633	LUC	Cây	7,000	200.000	0,500	700.000	
8	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	10	633	LUC	Cây	48,000	70.000	0,500	1.680.000	
9	Cây Nhãn đường kính thân 20cm	10	633	LUC	Cây	1,000	585.000	0,500	292.500	
10	Cây Vối đường kính thân 20cm	10	633	LUC	Cây	2,000	435.000	0,500	435.000	
11	Cây Vối đường kính thân 5cm	10	633	LUC	Cây	2,000	37.000	0,500	37.000	
12	Rau muống	10	633	LUC	m ²	10,000	13.000	0,500	65.000	
13	Cây Mít đường kính thân 10cm	10	633	LUC	Cây	3,000	398.000	0,500	597.000	
14	Cây Mít đường kính thân 20cm	10	633	LUC	Cây	3,000	3.111.000	0,500	4.666.500	
TỔNG CỘNG									280.022.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Trần Thị Cam

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							52.800.000	52.800.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	577	LUC	m ²	528,0	1,000	52.800.000		
II	HỖ TRỢ							285.577.500	285.577.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	577	LUC	m ²	528,0	5,000	264.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	577	LUC	m ²	528,0	0,300	15.840.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 27,50% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 5 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	577	LUC	kg	450,0	1,000	5.737.500		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)							4.750.000	4.750.000	
1	Cây Dừa đường kính thân 25cm	10	577	LUC	Cây	5,000	0,300	597.000		
2	Cây Chuối có quả	10	577	LUC	Cây	15,000	0,300	900.000		
3	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	10	577	LUC	Cây	121,000	0,300	2.541.000		
4	Cây Hồng Xiêm đường kính tán 1,5m	10	577	LUC	Cây	1,000	0,300	22.500		
5	Cây Mít đường kính thân 10cm	10	577	LUC	Cây	1,000	0,300	119.400		
6	Cây Hoa hòe đường kính tán 1m	10	577	LUC	Cây	2,000	0,300	102.000		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Mai Quang Liên

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	585	LUC	m ²	696,0	1,000	69.600.000	69.600.000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	585	LUC	m ²	696,0	5,000	348.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	585	LUC	m ²	696,0	0,300	20.880.000	396.420.000	
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 36,25% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 12 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	585	LUC	kg	2.160,0	1,000	27.540.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)								6.811.000	
1	Cây Ổi đường kính thân 10cm	10	585	LUC	Cây	73,000	0,300	6.810.900		
TỔNG CỘNG									472.831.000	

Bảng chữ: Bốn trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm ba mươi một ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Mai Quang Biên

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							55.200.000	55.200.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	586	LUC	m ²	552,0	1,000	55.200.000		
II	HỖ TRỢ							308.625.000	308.625.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	586	LUC	m ²	552,0	5,000	276.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	586	LUC	m ²	552,0	0,300	16.560.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 23,00% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 14 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	586	LUC	kg	1.260,0	1,000	16.065.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)							4.105.000	4.105.000	
1	Cây Ổi đường kính thân 10cm	10	586	LUC	Cây	44,000	0,300	4.105.200		
TỔNG CỘNG									367.930.000	

Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026
PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Văn Đăng
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							151.200.000	151.200.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	605	LUC	m ²	1.512,0	1,000	151.200.000		
II	HỖ TRỢ							824.310.000	824.310.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	605	LUC	m ²	1.512,0	5,000	756.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	605	LUC	m ²	1.512,0	0,300	45.360.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 5 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	605	LUC	kg	1.800,0	1,000	22.950.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)							27.598.000	27.598.000	
1	Cây Bưởi đường kính thân 15cm	10	605	LUC	Cây	4,000	0,300	328.800		
2	Cây Chanh đường kính tán 3,5m	10	605	LUC	Cây	5,000	0,300	840.000		
3	Cây Xoài đường kính thân 15cm	10	605	LUC	Cây	5,000	0,300	747.000		
4	Cây Táo đường kính thân 15cm	10	605	LUC	Cây	1,000	0,300	261.300		
5	Cây Dừa đường kính thân 30cm	10	605	LUC	Cây	9,000	0,300	2.351.700		
6	Cây Sả	10	605	LUC	m ²	40,000	0,300	132.000		

7	Cây Vải đường kính thân 10cm	10	605	LUC	Cây	26,000	249,000	0,300	1.942.200	
8	Cây Thanh long đường kính tán 1,5m	10	605	LUC	Trụ	7,000	250.000	0,300	525.000	
9	Cây Mít đường kính thân 20cm	10	605	LUC	Cây	6,000	3.111.000	0,300	5.599.800	
10	Cây Sung đường kính thân 10cm	10	605	LUC	Cây	1,000	187.000	0,300	56.100	
11	Cây Sen (lấy hoa)	10	605	LUC	m ²	1.050,000	9.300	0,300	2.929.500	
12	Rau đay	10	605	LUC	m ²	30,000	13.200	0,300	118.800	
13	Rau muống	10	605	LUC	m ²	30,000	13.000	0,300	117.000	
14	Cây Chuối có quả	10	605	LUC	Cây	30,000	200.000	0,300	1.800.000	
15	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	10	605	LUC	Cây	365,000	70.000	0,300	7.665.000	
16	Cây Chuối chưa có quả, 60cm < H ≤ 120cm	10	605	LUC	Cây	182,000	40.000	0,300	2.184.000	
TỔNG CỘNG										1.003.108.000

Bảng chữ: Một tỷ, không trăm lẻ ba triệu, một trăm lẻ tám ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Đình Nén

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							93.600.000	93.600.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	617	LUC	m ²	936,0	1,000	93.600.000		
II	HỖ TRỢ							528.210.000	528.210.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	617	LUC	m ²	936,0	5,000	468.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	617	LUC	m ²	936,0	0,300	28.080.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 39,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 14 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	617	LUC	kg	2.520,0	1,000	32.130.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)							908.000	908.000	
1	Cây Keo đường kính thân 15cm	10	617	LUC	Cây	1,000	0,300	27.000		
2	Cây Sưa đường kính thân 10cm	10	617	LUC	Cây	12,000	0,300	612.000		
3	Cây Chanh đường kính tán 1,5m	10	617	LUC	Cây	1,000	0,300	37.200		
4	Cây Đu đủ đường kính thân 10cm	10	617	LUC	Cây	1,000	0,300	111.900		
5	Cây Dừa đường kính thân 20cm	10	617	LUC	Cây	1,000	0,300	119.400		
TỔNG CỘNG									622.718.000	

Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm mười tám ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Nguyễn Thị Xuyên
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								120.000.000	120.000.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	628	LUC	m ²	1.200,0	100.000	1,000	120.000.000		
II	HỖ TRỢ								658.950.000	658.950.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	628	LUC	m ²	1.200,0	100.000	5,000	600.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	628	LUC	m ²	1.200,0	100.000	0,300	36.000.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 5 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	628	LUC	kg	1.800,0	12.750	1,000	22.950.000		
	CÔNG TRÌNH, TÀI SẢN										
	Cột bê tông cốt thép đúc sẵn. KT: 0,1*0,1*2*56	10	628	LUC	m ²	1.200,0	100.000	0,300	36.000.000		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCD:
Số điện thoại:

TỔNG CỘNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Nguyễn Thanh Xuyên

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								218.400.000	218.400.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	630; 643	LUC	m ²	2.184,0		1,000	218.400.000		
II	HỖ TRỢ								1.217.190.000	1.217.190.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	630; 643	LUC	m ²	2.184,0		5,000	1.092.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	630; 643	LUC	m ²	2.184,0		0,300	65.520.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 91,46% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 13 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	630; 643	LUC	kg	4.680,0		1,000	59.670.000		
III	CÂY TRỒNG (Năm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 50%)								4.766.000	4.766.000	
1	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	10	630; 643	LUC	Cây	78,000		0,500	2.730.000		
2	Cây Mít đường kính thân 15cm	10	630; 643	LUC	Cây	2,000		0,500	1.493.000		
3	Cây Nhãn đường kính thân 20cm	10	630; 643	LUC	Cây	1,000		0,500	292.500		

4	Cây Bàng đường kính thân 10cm	10	630; 643	LUC	Cây	1,000	150.000	0,500	75.000		
5	Cây Bưởi đường kính thân 3cm	10	630; 643	LUC	Cây	1,000	50.000	0,500	25.000		
6	Cây Lộc Vừng đường kính thân 15cm	10	630; 643	LUC	Cây	1,000	270.000	0,500	135.000		
7	Cây Sưa đường kính thân 3cm	10	630; 643	LUC	Cây	1,000	30.000	0,500	15.000		
TỔNG CỘNG										1.440.356.000	

Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Lương Bổng
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							118.600.000	118.600.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	650	LUC	m ²	1.186,0	1,000	118.600.000		
II	HỖ TRỢ							646.940.000	646.940.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	650	LUC	m ²	1.186,0	5,000	593.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	650	LUC	m ²	1.186,0	0,300	35.580.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 82,36% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	650	LUC	kg	1.440,0	1,000	18.360.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)							4.707.000	4.707.000	
1	Cây Vải đường kính thân 15cm	157	650	LUC	Cây	13,000	0,300	1.310.400		
2	Cây Dừa đường kính thân 30cm	157	650	LUC	Cây	13,000	0,300	3.396.900		
3	Cây Ổi đường kính thân 10cm	157	650	LUC	Cây	20,000	0,300	1.866.000		
4	Cây Mít đường kính thân 25cm	157	650	LUC	Cây	4,000	0,300	4.180.800		
5	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	157	650	LUC	Cây	43,000	0,300	903.000		
6	Cây Chuối chưa có quả, 60cm<H<120cm	157	650	LUC	Cây	21,000	0,300	252.000		

7	Cây Chuối có quả	157	650	LUC	Cây	5,000	200.000	0,300	300.000	
	TỔNG CỘNG									770.247.000

Bảng chữ: Bảy trăm bảy mươi triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Phạm Quang Việt
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								55.200.000	55.200.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	651	LUC	m ²	552,0	100.000	1,000	55.200.000		
II	HỖ TRỢ								301.740.000	301.740.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	651	LUC	m ²	552,0	100.000	5,000	276.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	651	LUC	m ²	552,0	100.000	0,300	16.560.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 57,50% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	651	LUC	kg	720,0	12.750	1,000	9.180.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)								29.992.000	29.992.000	
1	Cây Mít đường kính thân 30cm	157	651	LUC	Cây	22,000	3.484.000	0,300	22.994.400		
2	Cây Vải đường kính thân 30cm	157	651	LUC	Cây	15,000	1.555.000	0,300	6.997.500		
TỔNG CỘNG										386.932.000	

Bằng chữ: Ba trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Lê Thị Ngọc Hà

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								50.400.000	50.400.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	652	LUC	m ²	504,0	100.000	1,000	50.400.000		
II	HỖ TRỢ								294.660.000	294.660.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	652	LUC	m ²	504,0	100.000	5,000	252.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	652	LUC	m ²	504,0	100.000	0,300	15.120.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 12 tháng* 6 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	652	LUC	kg	2.160,0	12.750	1,000	27.540.000		
TỔNG CỘNG										345.060.000	

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Toán
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU							134.400.000	134.400.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	657; 661; 662	LUC	m ²	1.344,0	1,000	134.400.000		
II	HỖ TRỢ							735.270.000	735.270.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	657; 661; 662	LUC	m ²	1.344,0	5,000	672.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	657; 661; 662	LUC	m ²	1.344,0	0,300	40.320.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 70,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 10 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	657; 661; 662	LUC	kg	1.800,0	1,000	22.950.000		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)	157	657; 661; 662					95.932.000	95.932.000	
1	Cây Mít đường kính thân 30cm			LUC	Cây	45,000	0,300	47.034.000		
2	Cây Vải đường kính thân 20cm			LUC	Cây	19,000	0,300	3.334.500		
3	Cây Vải đường kính thân 10cm			LUC	Cây	1,000	0,300	74.700		

4	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm				LUC	Cây	236,000	70.000	0,300	4.956.000	
5	Cây Chuối chưa có quả, 60cm<H<120cm				LUC	Cây	132,000	40.000	0,300	1.584.000	
6	Cây Chuối có quả				LUC	Cây	19,000	200.000	0,300	1.140.000	
7	Cây Chanh đường kính tán 2m				LUC	Cây	21,000	249.000	0,300	1.568.700	
8	Cây Ôi đường kính thân 10cm				LUC	Cây	9,000	311.000	0,300	839.700	
9	Cây Cau ta ăn quả, chiều cao H>4m				LUC	Cây	97,000	1.120.000	0,300	32.592.000	
10	Cây Xạ đen đường kính tán 5m				LUC	Cây	1,000	720.000	0,300	216.000	
11	Cây Bưởi đường kính thân 20cm				LUC	Cây	5,000	398.000	0,300	597.000	
12	Cây Cau lùn, chiều cao H=1,2m				LUC	Cây	7,000	950.000	0,300	1.995.000	
TỔNG CỘNG											965.602.000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đoàn Văn Mỹ

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								48.000.000	48.000.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	658	LUC	m ²	480,0		1,000	48.000.000		
II	HỖ TRỢ								269.317.500	269.317.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	658	LUC	m ²	480,0		5,000	240.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	658	LUC	m ²	480,0		0,300	14.400.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 27,03% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 13 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	658	LUC	kg	1.170,0		1,000	14.917.500		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)								10.349.000	10.349.000	
1	Cây Mít đường kính thân 20cm	157	658	LUC	Cây	6,000		0,300	5.599.800		
2	Cây Vải đường kính thân 30cm	157	658	LUC	Cây	8,000		0,300	3.732.000		
3	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	157	658	LUC	Cây	30,000		0,300	630.000		
4	Cây Chuối chưa có quả, 60cm<H<120cm	157	658	LUC	Cây	12,000		0,300	144.000		
5	Cây Chuối có quả	157	658	LUC	Cây	3,000		0,300	180.000		
6	Cây Vối đường kính thân 10cm	157	658	LUC	Cây	1,000		0,300	37.200		

7	Cây Chè đường kính tán 1m	157	658	LUC	Cây	1,000	87.000	0,300	26.100	
TỔNG CỘNG										327.666.500

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Hạ
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU								52.800.000	52.800.000	
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	659	LUC	m ²	528,0		1,000	52.800.000		
II	HỖ TRỢ								292.462.500	292.462.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	659	LUC	m ²	528,0		5,000	264.000.000		
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	659	LUC	m ²	528,0		0,300	15.840.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 28,28% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 3 tháng* 11 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	659	LUC	kg	990,0		1,000	12.622.500		
III	CÂY TRỒNG (Không nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng được hỗ trợ 30%)								7.381.000	7.381.000	
1	Cây Ôi đường kính thân 15cm	157	659	LUC	Cây	17,000		0,300	2.412.300		
2	Cây Vải đường kính thân 30cm	157	659	LUC	Cây	7,000		0,300	3.265.500		
3	Cây Vải đường kính thân 15cm	157	659	LUC	Cây	5,000		0,300	504.000		
4	Cây Hồng xiêm đường kính tán 2,5m	157	659	LUC	Cây	8,000		0,300	448.800		
5	Cây Chuối chưa có quả, H>120cm	157	659	LUC	Cây	30,000		0,300	630.000		
6	Cây Chuối chưa có quả, 60cm<H<120cm	157	659	LUC	Cây	10,000		0,300	120.000		

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Kim Việt
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU										
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	661	LUC	m ²	336,0	100.000	1,000	33.600.000	33.600.000	
II	HỖ TRỢ										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	661	LUC	m ²	336,0	100.000	5,000	189.555.000	189.555.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	661	LUC	m ²	336,0	100.000	0,300	10.080.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 70,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 5 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	661	LUC	kg	900,0	12.750	1,000	11.475.000		
TỔNG CỘNG										223.155.000	

Bảng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi lăm ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Thị Hương Lan

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	157	662	LUC	m ²	336,0	1,000	33.600.000	33.600.000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	157	662	LUC	m ²	336,0	5,000	168.000.000	187.260.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	157	662	LUC	m ²	336,0	0,300	10.080.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 70,0% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	157	662	LUC	kg	720,0	1,000	9.180.000		
TỔNG CỘNG									220.860.000	

Bảng chữ: Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi ngàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:

Số điện thoại:

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Nguyễn Thị Khay (Đã chết); Trần Thị Lân

Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	618	LUC	m ²	237,6	100.000	23.760.000	23.760.000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	618	LUC	m ²	237,6	100.000	125.928.000	125.928.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	618	LUC	m ²	237,6	100.000	118.800.000		
	TỔNG CỘNG							7.128.000		
									149.688.000	

Bằng chữ:

Một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỒ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Đào Thị Loan; Trần Thị Loan
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	618	LUC	m ²	475,2	100.000	47.520.000	47.520.000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	618	LUC	m ²	475,2	100.000	270.216.000	270.216.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	618	LUC	m ²	475,2	100.000	237.600.000		
								14.256.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 49,5% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 8 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	618	LUC	kg	1.440,0	12.750	18.360.000		
TỔNG CỘNG									317.736.000	

Bảng chữ: Ba trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Trần Trọng Tuấn
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng				Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng				
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU									
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	618	LUC	m ²	237,6	1,000	23.760.000	23.760.000	
II	HỖ TRỢ									
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	618	LUC	m ²	237,6	5,000	118.800.000	128.223.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	618	LUC	m ²	237,6	0,300	7.128.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 49,5% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 1 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	618	LUC	kg	180,0	12.750	2.295.000		
TỔNG CỘNG									151.983.000	

Bảng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NINH GIANG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG NAY LÀ XÃ NINH GIANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Họ và tên (đại diện chủ sử dụng đất): Trần Trọng Ngọc
Nơi ở hiện nay: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng

Số định danh cá nhân hoặc số CCCD:
Số điện thoại:

STT	CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Vị trí, diện tích, loại đất, khối lượng					Đơn giá (Đ)	Hệ số tính	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Đơn vị tính	Khối lượng					
I	BỒI THƯỜNG ĐẤT, HOA MÀU										
1	Bồi thường đất nông nghiệp thu hồi	10	618	LUC	m ²	237,6	100.000	1,000	23.760.000	23.760.000	
II	HỖ TRỢ										
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	10	618	LUC	m ²	237,6	100.000	5,000	118.800.000	135.108.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất	10	618	LUC	m ²	237,6	100.000	0,300	7.128.000		
3	Hỗ trợ ổn định đời sống (Diện tích thu hồi 49,5% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng): Hỗ trợ = 30 kg gạo/khẩu/tháng* 6 tháng* 4 khẩu (Đơn giá gạo tính theo Báo cáo số 525/BC-STC của Sở tài chính ngày 07/9/2026)	10	618	LUC	kg	720,0	12.750	1,000	9.180.000		
TỔNG CỘNG										158.868.000	

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn